

Viet Australia^o

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm

VIET AUSTRALIA AUDITING LTD. (VAAL)
CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT ÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Rượu Bia Đà Lạt được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800288971 được cấp bởi Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng ngày 28 tháng 12 năm 2000, và theo giấy chứng nhận thay đổi lần thứ chín ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Công ty Cổ Phần Rượu Bia Đà Lạt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Thành Lâm
Ông Nguyễn Đăng Toàn
Ông Nguyễn Việt Ngọc
Ông Khương Tiến Hùng
Ông Ngô Thế Hiền

Chức vụ

Chủ tịch hội đồng quản trị
Phó chủ tịch (Từ nhiệm uỷ quyền cho Ông Bùi Thành Chi)
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám Đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Lê Văn Phong

Chức vụ

Giám đốc
Giám đốc

Bổ nhiệm

-
27/08/2020

Miễn nhiệm

21/08/2020
-

Ban Kiểm Soát

Ông Hồ Minh Khánh
Ông Lê Ngọc Sơn
Bà Đỗ Phương Mai

Chức vụ

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Bùi Thành Lâm

Chức vụ

Chủ tịch hội đồng quản trị

Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám Đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Kết quả Hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám Đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám Đốc nhận định rằng không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính của Công ty của năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

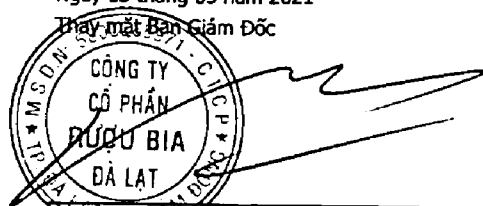
Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 23, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 13 tháng 05 năm 2021

Thay mặt Ban Giám Đốc



LÊ VĂN PHONG
Giám đốc

Viet Australia^o

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC

25B Hoàng Diệu, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3925 1360 Fax: (84-8) 3925 1359

Số: 21060904040

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Rượu Bia Đà Lạt (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 05 năm 2021, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

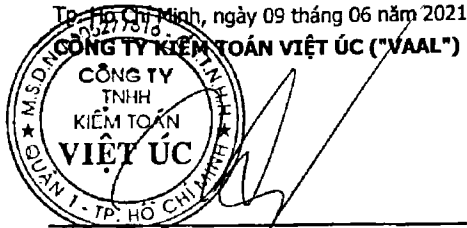
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Rượu Bia Đà Lạt tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán của họ phát hành ngày 11 ngày 06 năm 2020 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này.



NGUYỄN TIẾN TRÌNH

Giám Đốc Điều Hành

GCNĐKHNTK số: 1806-2020-160-1

LÊ MAI THIỆN TÍN

Kiểm toán viên

GCNĐKHNTK số: 5422-2020-160-1

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	CUỐI NĂM	ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.554.669.991	30.278.144.019
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	783.375.161	2.001.441.607
Tiền	111		783.375.161	2.001.441.607
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.128.926.419	6.518.197.070
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.537.014.627	5.884.299.529
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	225.327.599	501.089.524
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	366.584.193	132.808.017
Hàng tồn kho	140	V.5	15.508.312.677	21.075.573.665
Hàng tồn kho	141		15.508.312.677	21.075.573.665
Tài sản ngắn hạn khác	150		134.055.734	682.931.677
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	105.829.476	682.931.677
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	28.226.258	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.653.474.261	7.021.552.984
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		5.406.662.908	6.767.277.357
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	5.319.162.908	6.661.027.357
Nguyên giá	222		23.408.177.143	23.408.177.143
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.089.014.235)	(16.747.149.786)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	87.500.000	106.250.000
Nguyên giá	228		150.000.000	150.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(62.500.000)	(43.750.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		246.811.353	254.275.627
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	246.811.353	229.933.951
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	24.341.676
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.208.144.252	37.299.697.003

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

5

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021


(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

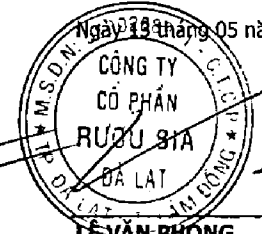
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	CUỐI NĂM	ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.542.047.247	9.245.216.186
Nợ ngắn hạn	310		2.542.047.247	9.245.216.186
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1.458.963.622	1.870.147.571
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.684.861	120.012.432
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	445.374.655	960.907.244
Phải trả người lao động	314		428.928.716	509.238.139
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	40.000.000	121.708.382
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	102.737.336	166.118.415
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	5.374.149.809
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	64.358.057	122.934.194
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.666.097.005	28.054.480.817
Vốn chủ sở hữu	410	V.16	23.666.097.005	28.054.480.817
Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>18.000.000.000</i>	<i>18.000.000.000</i>
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.245.950.615	4.245.950.615
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.420.146.390	5.808.530.202
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>2.860.675.195</i>	<i>3.833.366.850</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(1.440.528.805)</i>	<i>1.975.163.352</i>
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.208.144.252	37.299.697.003


MAI TÔ ĐỨC HẠNH
 Người lập biểu


MAI TÔ ĐỨC HẠNH
 Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 05 năm 2021

LÊ VĂN PHONG
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

6

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	25.027.183.876	36.041.223.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	185.332.646	166.014.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		24.841.851.230	35.875.209.108
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	18.420.310.343	25.270.905.337
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.421.540.887	10.604.303.771
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	12.748.379	2.174.604
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	503.213.342	689.197.725
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		494.281.671	660.696.106
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	3.133.474.889	4.774.443.132
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	2.701.318.996	2.515.068.845
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		96.282.039	2.627.768.673
11. Thu nhập khác	31		362.277.125	285.890.161
12. Chi phí khác	32		1.874.746.293	3.828.593
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.512.469.168)	282.061.568
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.416.187.129)	2.909.830.241
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	597.399.206
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		24.341.676	(11.290.556)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.440.528.805)	2.323.721.591
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(800)	1.226
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(800)	1.226



MAI TÔ ĐỨC HẠNH
Người lập biểu



MAI TÔ ĐỨC HẠNH
Kế toán trưởng



LÊ VĂN PHONG
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

7

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B03-DN

*(Theo phương pháp gián tiếp)**(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(1.416.187.129)	2.909.830.241
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.360.614.449	1.472.512.358
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.955.421)	18.704.905
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.101.259)	(1.940.229)
- Chi phí lãi vay	06		494.281.671	660.696.106
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		432.652.311	5.059.803.381
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.360.959.428	4.737.757.401
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.567.260.988	(2.042.978.443)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.162.701.785)	(829.905.272)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		560.224.799	(357.711.848)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(494.281.671)	(660.696.106)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(119.867.632)	(1.637.904.364)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		312.510.595	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(618.941.739)	(222.082.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.837.815.294	4.046.282.557
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.101.259	1.940.229
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.101.259	1.940.229
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		22.240.137.102	19.436.371.431
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(27.614.286.911)	(19.363.391.990)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.681.771.900)	(3.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.055.921.709)	(3.527.020.559)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1.217.005.156)	521.202.227

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

8

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B03-DN

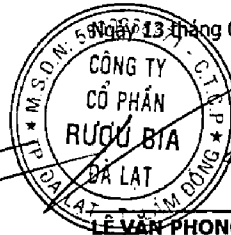
*(Theo phương pháp gián tiếp)**(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.001.441.607	1.498.944.285
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.061.290)	(18.704.905)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		783.375.161	2.001.441.607

Ngày 13 tháng 05 năm 2021

MAI TÔ ĐỨC HẠNH
Người lập biểuMAI TÔ ĐỨC HẠNH
Kế toán trưởngLÊ VĂN PHONG
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Rượu Bia Đà Lạt được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800288971 được cấp bởi Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng ngày 28 tháng 12 năm 2000, và theo giấy chứng nhận thay đổi lần thứ chín ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ Phần

Vốn điều lệ đăng ký: 18.000.000.000 VND

Số cổ phần: 1.800.000 Cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VND

Trụ sở chính: Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất rượu vang;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Kinh doanh rượu bia, nước giải khát;
- Kinh doanh hàng hoá, vật tư, nguyên liệu, thiết bị có liên quan đến sản xuất bia, nước giải khát.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà Nước ban hành.

Các nguyên tắc và thực hành kế toán áp dụng tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả Kinh doanh.

b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính, Công ty đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau :

- + Các khoản tiền, nợ phải thu : Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, và giao dịch thường xuyên trong kỳ báo cáo.
- + Các khoản nợ phải trả : Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, và giao dịch thường xuyên trong kỳ báo cáo.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính.

c. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính:

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
31/03/2021	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	22.980 VND/USD	23.180 VND/USD
31/03/2021	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	26.671 VND/EUR	27.690 VND/EUR

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

b. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Chương trình phần mềm

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

a. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

b. Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thực tế của chi phí đó.

8. Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay là các khoản tiền vay của doanh nghiệp từ Ngân hàng, doanh nghiệp khác và cá nhân.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các chi phí hoạt động đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng chưa được thanh toán do chưa có hóa đơn, chứng từ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp bằng tiền của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

c. Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận khi được hưởng.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm các chi phí trực tiếp thuộc về các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán được trong năm tài chính. Giá vốn hàng bán cũng bao gồm các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hao hụt mất mát hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

16. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt tại quỹ	71.377.390	54.132.884
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	711.997.771	1.947.308.723
Tổng cộng	783.375.161	2.001.441.607
2. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Chi nhánh Công ty TNHH TMDV An Tường	412.463.220	313.294.663
Công ty TNHH TMTH Thiên Phát	669.952.258	669.952.258
Công ty Cổ phần Chi	526.987.213	571.534.064
Công ty TNHH TMDV Thực Phẩm Và Đồ Uống Sài Gòn	1.076.795.999	2.002.149.426
Đối tượng khác	850.815.937	2.327.369.118
Tổng cộng	3.537.014.627	5.884.299.529
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Cty TNHH Sản xuất Sơn Quang Dũng	157.453.594	157.453.594
Công ty TNHH Sở Hữu Trí Tuệ HAVIP	30.000.000	30.000.000
Đối tượng khác	37.874.005	313.635.930
Tổng cộng	225.327.599	501.089.524
4. Phải thu khác		
Ngắn hạn		
Tạm ứng	35.000.000	-
Bảo hiểm bắt buộc	23.923.368	28.486.836
Phải thu khác	307.660.825	104.321.181
Tổng cộng	366.584.193	132.808.017
5. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	13.380.259.131	16.557.931.782
Công cụ, dụng cụ	2.644.605	5.321.692
Thành phẩm	1.979.099.166	1.969.451.805
Hàng gửi đi bán	146.309.775	2.542.868.386
Tổng cộng	15.508.312.677	21.075.573.665

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	9.703.307.920	12.959.160.133	575.894.545	46.354.545	123.460.000	23.408.177.143
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.703.307.920	12.959.160.133	575.894.545	46.354.545	123.460.000	23.408.177.143
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.557.394.245	11.650.238.003	503.907.723	15.469.915	20.139.900	16.747.149.786
- Khấu hao trong năm	752.761.758	516.754.175	57.589.452	6.622.080	8.136.984	1.341.864.449
- Tăng khác	13.370.127	(14.376.454)	1.069.938	-	(63.611)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.323.526.130	12.152.615.724	562.567.113	22.091.995	28.213.273	18.089.014.235
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	5.145.913.675	1.308.922.130	71.986.822	30.884.630	103.320.100	6.661.027.357
- Tại ngày cuối năm	4.379.781.790	806.544.409	13.327.432	24.262.550	95.246.727	5.319.162.908

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

9.852.075.027 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiễn, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy tính	TSCĐ Vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	150.000.000	-	150.000.000
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	150.000.000	-	150.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	43.750.000	-	43.750.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-	18.750.000	-	18.750.000
Số dư cuối năm	-	-	-	62.500.000	-	62.500.000
Giá trị còn lại						
- Tại ngày Đầu năm	-	-	-	106.250.000	-	106.250.000
- Tại ngày Cuối năm	-	-	-	87.500.000	-	87.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Cuối năm	Đầu năm		
8. Chi phí trả trước				
a. Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	14.497.476	207.257.897		
Chi phí chờ phân bổ	91.332.000	475.673.780		
Tổng cộng	105.829.476	682.931.677		
b. Dài hạn				
Chi phí thi công, sửa chữa, cải tạo nhà máy	63.531.288	-		
Chi phí chờ phân bổ	183.280.065	229.933.951		
Tổng cộng	246.811.353	229.933.951		
9. Phải trả người bán ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm		
Doanh nghiệp tư nhân V.K	574.989.980	281.894.652		
Excellent Packaging Sourcing&Supply SDN BHD	740.163.816	1.247.230.965		
Đối tượng khác	143.809.826	341.021.954		
Tổng cộng	1.458.963.622	1.870.147.571		
10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm		
Công ty TNHH TMDV Kim Chi	-	67.183.246		
Công ty TNHH Vang Mặt Trời	-	50.000.000		
Đối tượng khác	1.684.861	2.829.186		
Tổng cộng	1.684.861	120.012.432		
11. Thuế và các khoản phải nộp/thu Ngân sách Nhà Nước				
	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	160.361.384	2.067.752.498	2.084.995.225	143.118.657
VAT hàng nhập khẩu	-	285.721.582	285.721.582	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	558.827.719	5.901.285.731	6.157.857.452	302.255.998
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	263.226.000	263.226.000	-
Thuế TNDN	119.867.632	-	119.867.632	-
Thuế TNCN	121.850.509	143.094.809	293.171.576	(28.226.258)
Thuế đất	-	157.256.325	157.256.325	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng	960.907.244	8.821.336.945	9.365.095.792	417.148.397
Số thuế phải nộp của Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.				
12. Chi phí phải trả ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm		
Chi phí kiểm toán	40.000.000	40.000.000		
Chi phí khác	-	81.708.382		
Tổng cộng	40.000.000	121.708.382		

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

	Cuối năm	Đầu năm
13. Phải trả khác		
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	13.703.536	66.118.415
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	18.228.100	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	70.805.700	100.000.000
Tổng cộng	102.737.336	166.118.415

	Loại tiền	Cuối năm	Đầu năm
14. Vay và nợ thuê tài chính			
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	VND	-	5.374.149.809
Tổng cộng		-	5.374.149.809

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	64.358.057	122.934.194
Tổng cộng	64.358.057	122.934.194

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Các khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	-	4.013.578.456	7.436.366.850	29.449.945.306
- Lãi trong năm trước	-	-	-	2.323.721.591	2.323.721.591
- Chi trả cổ tức	-	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
- Trích quỹ	-	-	232.372.159	(348.558.239)	(116.186.080)
- Giảm khác	-	-	-	(3.000.000)	(3.000.000)
Số dư đầu năm nay	18.000.000.000	-	4.245.950.615	5.808.530.202	28.054.480.817
- Lãi trong năm nay	-	-	-	(1.440.528.805)	(1.440.528.805)
- Chi trả cổ tức	-	-	-	(2.700.000.000)	(2.700.000.000)
- Trích quỹ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(247.855.007)	(247.855.007)
Số dư cuối năm nay	18.000.000.000	-	4.245.950.615	1.420.146.390	23.666.097.005

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam	5.026.200.000	5.026.200.000
Ông Phạm Anh Tuấn	-	3.265.800.000
Ông Bùi Thành Chi	3.101.490.000	-
Ông Bùi Thành Lâm	3.039.210.000	-
Ông Nguyễn Hữu Minh	-	1.713.240.000
Ông Phạm Văn Hiến	-	1.074.240.000
Ông Nguyễn Đăng Châm	-	1.115.520.000
Ông Phạm Tiến Điệp	1.117.360.000	-
Ông Nguyễn Việt Ngọc	1.117.350.000	-
Cổ đông khác	4.598.390.000	5.805.000.000
Tổng cộng	18.000.000.000	18.000.000.000

Tại ngày 31/03/2021, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ.

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (15%)	-	2.700.000.000

d. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

e. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: Chia cổ tức năm 2019 - 2020: 15%
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.
- Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: công ty không có Cổ phiếu ưu đãi.

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	4.245.950.615	4.245.950.615
Tổng cộng	4.245.950.615	4.245.950.615

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	25.027.183.876	35.992.563.381
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	48.660.000
Tổng cộng	25.027.183.876	36.041.223.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	166.014.273
Hàng bán bị trả lại	185.332.646	-
Tổng cộng	185.332.646	166.014.273
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán	18.420.310.343	25.270.905.337
Tổng cộng	18.420.310.343	25.270.905.337
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	1.101.259	1.940.229
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.691.699	234.375
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.955.421	-
Tổng cộng	12.748.379	2.174.604
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	494.281.671	660.696.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.931.671	13.221.392
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15.141.568
Chi phí tài chính khác	-	138.659
Tổng cộng	503.213.342	689.197.725
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	1.712.681.831	2.430.272.924
Chi phí vật liệu, bao bì	1.936.081	-
Chi phí công cụ dụng cụ	6.448.882	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.601.904	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.011.567.000	1.172.570.521
Chi phí bằng tiền khác	339.239.191	1.171.599.687
Tổng cộng	3.133.474.889	4.774.443.132

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số 809-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.806.929.811	1.795.956.210
Chi phí vật liệu quản lý	10.445.455	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.923.756	26.240.597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.339.452	82.961.532
Thuế, phí và lệ phí	117.446.549	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.263.679	123.828.011
Chi phí bằng tiền khác	509.970.294	486.082.495
Tổng cộng	2.701.318.996	2.515.068.845

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	(1.416.187.129)	2.909.830.241
Các khoản làm tăng lợi nhuận chịu thuế	63.169.813	142.421.389
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>62.023.558</i>	<i>125.536.975</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>1.146.255</i>	<i>16.884.414</i>
Các khoản làm giảm lợi nhuận chịu thuế	-	65.255.600
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	(1.353.017.316)	2.986.996.030
Thuế suất thuế TNDN áp dụng trong kỳ	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	-	597.399.206

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.440.528.805)	2.323.721.591
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông phổ thông	(1.440.528.805)	2.323.721.591
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế	-	116.186.080
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(800)	1.226

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.372.692.358	20.526.883.596
Chi phí nhân công	6.748.987.606	8.400.158.605
Chi phí dụng cụ sản xuất	79.172.638	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.353.992.369	1.472.512.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.672.617.004	3.618.872.499
Chi phí bằng tiền khác	1.033.971.414	-
Tổng cộng	69.261.433.389	34.018.427.058

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU BIA ĐÀ LẠT

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan

Chi nhánh tổng công ty thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại miền nam

Mối quan hệ

Chi nhánh Cổ đông

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Chi nhánh tổng công ty thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại miền nam

Tổng cộng

	Năm nay	Năm trước
Chi nhánh tổng công ty thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại miền nam	927.858.030	1.335.429.424
Tổng cộng	927.858.030	1.335.429.424

b. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Phải thu khách hàng

Chi nhánh tổng công ty thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại miền nam

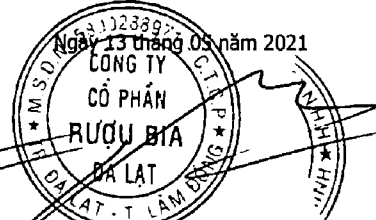
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	-	609.444

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

MAI TÔ ĐỨC HẠNH
Người lập biểu

MAI TÔ ĐỨC HẠNH
Kế toán trưởng



LÊ VĂN PHONG
Giám đốc